

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
**HỖ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
TÁI ĐỊNH CƯ GP MẶT BẰNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /TB-GPMB

Triệu Sơn, ngày 06 tháng 01 năm 2017

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Số liệu kiểm kê và dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB
Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân)
đi tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4925/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 999/2015/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về thực hiện trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn;

Đến nay Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn

đã tiến hành tổ chức kiểm kê và lập dự toán bồi thường chi tiết đến từng hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, đoạn qua xã Dân Lý và Thái Hòa.

Để có cơ sở trình các phòng chức năng của huyện thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt dự toán kinh phí BTGPMB theo quy định; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình thông báo niêm yết công khai số liệu kiểm kê và dự toán bồi thường tại xã Dân Lý và Thái Hòa như sau:

Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 42 hộ.

Tổng số tiền BTGPMB cho các hộ: 1.053.772.000 đồng.

(Chi tiết có danh sách kèm theo)

Thông báo này được niêm yết công khai trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày 06/01/2017 đến ngày 26/01/2017

Địa điểm niêm yết công khai tại: Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa các thôn, xóm xã Dân Lý và Thái Hòa nơi có hộ dân bị ảnh hưởng.

Trong thời gian niêm yết công khai, nếu hộ nào có ý kiến kiến nghị thì có đơn gửi UBND xã; nếu không có ý kiến thắc mắc thì ký thống nhất vào dự toán chi tiết của gia đình mình./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- UBND xã Dân Lý, Thái Hòa (để t/hiện);
- Thành viên HĐ BTGPMB (t/hiện);
- Lưu: VT, HĐ GPMB.

CHỦ TỊCH HĐ BT GPMB



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Hồ Trường Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB
Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân)
đi tỉnh lộ 517 (xã Đông Lợi), huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Thông báo số 25 /TB-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

TT	SHS	Họ và tên	Địa chỉ (thôn, xóm)	Thành tiền			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Tổng
				Bồi thường hỗ trợ về đất	Vật kiến trúc	Hoa màu		
A		xã Thái Hòa			82.190.660			82.190.660
1	1	Vũ Trọng Chính	Thái Minh		67.533.920			67.533.920
2	2	Vũ Trọng Ca	Thái Minh		2.342.760			2.342.760
3	3	Lê Đăng An	Thái Minh		3.802.008			3.802.008
4	4	Vũ Quang Huy	Thái Minh		8.511.972			8.511.972
B		Xã Dân Lý		277.342.000	487.300.234	22.188.600	164.088.500	950.919.334
1	1	Nguyễn Văn Thành	15	2.000.000	3.894.000			5.894.000
2	2	Nguyễn Văn Bích	15		3.265.710	210.000		3.475.710
3	3	Nguyễn Văn Mùi	15	4.650.000	2.200.000			6.850.000
4	4	Nguyễn Sỹ Thành	15	13.550.000	40.183.844	511.000		54.244.844
5	5	Nguyễn Văn Cường	15	5.950.000	7.833.925			13.783.925
6	6	Nguyễn Thị Tánh	15	22.050.000	18.738.775	901.000		41.689.775
7	7	Nguyễn Văn Cường	15		5.049.410	604.000		5.653.410
8	8	Trần Anh Bàn	15	18.402.000	13.164.000	1.544.850	16.878.000	49.988.850
9	9	Nguyễn Thanh Bình	15	13.840.000		1.557.000	20.760.000	36.157.000
10	10	Nguyễn Sỹ Thắng	15		50.484.365			50.484.365
11	11	Nguyễn Quốc Dũng	15	7.000.000	4.952.125	341.000		12.293.125
12	12	Nguyễn Văn Kỳ	15	8.500.000	48.848.370			57.348.370
13	13	Nguyễn Văn Bùi	15	4.700.000	23.594.030	948.000		29.242.030
14	14	Nguyễn Văn Dự	15		4.421.813			4.421.813
15	15	Nguyễn Văn Nguyên	15		3.680.775			3.680.775
16	16	Nguyễn Văn Quây	15	5.750.000	6.178.900			11.928.900
17	17	Nguyễn Đình Dũng	15	2.450.000	19.365.463			21.815.463
18	18	Nguyễn Văn Khoan	15	4.750.000	6.181.604	1.494.000		12.425.604
19	19	Nguyễn Thị Tiên	15	6.400.000	2.423.700	435.000		9.258.700
20	20	Nguyễn Văn Sáng	15	5.000.000				5.000.000
21	21	Nguyễn Văn Dương	15	8.450.000	10.678.242	1.996.000		21.124.242
22	22	Nguyễn Văn Giảng	15	35.866.000	34.084.600	1.773.300	3.924.000	75.647.900
23	23	Nguyễn Văn Đoán	15	9.400.000	500.000			9.900.000
24	24	Nguyễn Bá Huỳnh	15	14.740.000	8.668.425	651.000	7.560.000	31.619.425
25	25	Trần Văn Thu	15	7.250.000	17.620.880	274.000		25.144.880
26	26	Nguyễn Văn Kiên	15	10.736.000		1.207.800	16.104.000	28.047.800
27	27	Nguyễn Xuân Tào	15	7.368.000		828.900	11.052.500	19.249.400
28	28	Nguyễn Văn Vang	15	18.980.000		2.135.250	28.470.000	49.585.250
29	29	Nguyễn Văn Hằng	15	27.144.000		3.053.700	40.716.000	70.913.700
30	30	Nguyễn Quốc Dũng	15	4.836.000		544.050	7.254.000	12.634.050
31	31	Nguyễn Văn Vui	15	7.580.000		852.750	11.370.000	19.802.750
32	32	Nguyễn Văn Học	15		3.613.750			3.613.750
33	33	Lê Thị Khoa	15		7.322.826			7.322.826
34	34	Nguyễn Xuân Sơn	15		73.180.380			73.180.380
35	35	Nguyễn Văn Bình	15		20.279.306	326.000		20.605.306
36	36	Nguyễn Văn Đoán	15		40.919.753			40.919.753
37	37	Nguyễn Văn Chanh	15		2.121.263			2.121.263
38	38	Nguyễn Thị Thanh	15		3.850.000			3.850.000
I	Tổng KP BT GPMB (A+B)			277.342.000	569.490.894	22.188.600	164.088.500	1.033.109.994
II	Chi phí tổ chức thực hiện (I*2%)							20.662.200
III	Tổng cộng (I+II)							1.053.772.194
	Làm tròn							1.053.772.000

(Bảng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn)